CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN

Digitally signed by CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN
DN: C=VN, S=THÁI NGUYÊN, L=TP.Thái Nguyên, O=A hải tpo3 gh ca 36t, OU=TPO3, CN=CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4600100003
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2018-10-09 14:43:42
Foxit Reader Version: 9.1.0

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

Số: 2253 /TTr - TMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 10 năm 2018

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico giai đoạn 2018-2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-TMC ngày 20/4/2018 của Hội đồng quản trị Công ty;

Mục tiêu đặt ra nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng; đoàn kết, đổi mới, chủ động, sáng tạo, huy động mọi nguồn lực phục vụ hoạt động SXKD của Công ty. Đảm bảo nguyên tắc đồng bộ, hệ thống từ Công ty đến các đơn vị, nâng cao công tác quản lý điều hành và tinh giảm bộ máy quản lý khâu trung gian, tăng lực lượng của đội ngũ lao động công nghệ, Công ty xây dựng đề án tái cơ cấu CTCP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico giai đoạn 2018-2020.

Kính đề nghị Quý vị cổ đông xem xét và chấp thuận thông qua đề án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2018-2020, để Công ty triển khai thực hiện theo quy định.

Toàn văn Đề án tái cơ cấu Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico được đăng tải trên website công ty tại địa chỉ://http.kimloaimau.com.vn.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như đề gửi (B/c);
- Lưu: Thư ký, VP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 4600100003 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN VIMICO - TP. THÁI NGUYÊN T. THÁI NGUYÊN

Đào Minh Sơn

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN -VIMICO
GIAI ĐOẠN 2018-2020

CHƯƠNG I
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG CỦA CÔNG TY

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Thông tin chung

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN – VIMICO;
- Tên viết tắt: TMC;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 460010003;

Đăng ký lần đầu ngày 10/5/2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 01/7/2014 (chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV sang loại hình công ty cổ phần);

- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi tỷ đồng);*
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 9.180.000.000 đồng;
- Địa chỉ: Tổ 6, Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Số điện thoại: 0208. 3847229;
- Số fax: 0208.3847097;
- Website: kimloaimau.com.vn;
- Mã cổ phiếu: TMG;
- Mô hình hoạt động: Công ty mẹ - Công ty con;
- Các đơn vị gồm:

+ Công ty con: Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn –TMC;

+ Đơn vị trực thuộc: Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích; Xí nghiệp Thiếc Đại từ, Phân xưởng Luyện kim màu I và Phân xưởng Luyện kim màu II.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp Luyện kim màu Bắc Thái trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim được thành lập theo Quyết định số 349-CL ngày 25/9/1979 của Thủ Tướng Chính Phủ. Ngày 12/11/2004 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký QĐ số 130/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty thành Công ty TNHH NN MTV Kim loại màu Thái Nguyên;

Thực hiện Quyết định số 525/QĐ-VINACOMIN ngày 03/4/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty và

Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 21/02/2014 của HĐTV Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/7/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 4600100003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 01/7/2014;

- Ngày 21/11/2014, UBCK NN đã chấp nhận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo quy định của Luật Chứng khoán tại Công văn số 6508/UBCK- QLPH;

- Ngày 15/9/2016 Trung tâm Lưu ký Chứng khoán VN đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 99/2016/GCNCP-VSD cho Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico;

- Ngày 24/01/2017, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã ban hành Quyết định số 76/QĐ-SGDHN v/v chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Kim loại màu Thái Nguyên trên sàn Upcom với mã chứng khoán TMG, số lượng đăng ký là 18.000.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá là 10.000đ/cổ phiếu; tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch là 180 tỷ đồng;

- Ngày 07/2/2017 tại HNX cổ phiếu TMG đã chính thức giao dịch trên sàn UpCom theo thông báo số 129/TB-HNX ngày 24/01/2017 của HNX.

3. Mục tiêu hoạt động, sản phẩm, lĩnh vực và địa bàn kinh doanh

3.1. Mục tiêu hoạt động

Mục tiêu hoạt động của Công ty là tối đa hoá các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

3.2. Ngành, nghề kinh doanh

Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; khai thác quặng sắt; khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất hóa chất cơ bản; bán buôn kim loại và quặng kim loại; đúc kim loại màu; rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; sản xuất các cấu kiện kim loại; gia công cơ khí và xử lý tráng phủ kim loại; sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; sửa chữa thiết bị điện; sửa chữa máy móc, thiết bị; bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất khác chưa được phân vào đâu; sản xuất bi, bánh răng, hộp số các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động; xây dựng công trình kỹ thuật và dân dụng khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; khai thác, xử lý cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kiểm tra và phân tích kỹ thuật; hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ; hoạt động thiết kế chuyên dụng; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

3.3. Một số sản phẩm chính của Công ty

- Tinh quặng kẽm hàm lượng ~ 50%;
- Tinh quặng chì hàm lượng ~ 50% Pb;
- Kẽm thỏi hàm lượng > 99,95% Zn;
- Axits Sunfuaric hàm lượng > 96%;
- Bột kẽm 60% Zn.

3.4. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại 02 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, trong đó: Hoạt động khai thác, chế biến tinh quặng tập trung tại huyện Chợ Đồn - tỉnh Bắc Kạn và huyện Đồng Hỷ - tỉnh Thái Nguyên, hoạt động chế biến kim loại tập trung tại khu công nghiệp Sông Công, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Công ty có quan hệ kinh doanh hợp tác với các khách hàng trên phạm vi cả nước.

4. Cơ chế hoạt động kinh doanh

Đối với công ty con tổ chức ký hợp đồng phối hợp SXKD hàng năm, thông qua giá mua bán nội bộ. Đối với đơn vị trực thuộc thực hiện giao kế hoạch chi phí sản xuất trên cơ sở các chỉ tiêu công nghệ, định mức kinh tế kỹ thuật. Công ty hoạt động theo mô hình chuyên môn hóa khép kín, từ khâu khai thác đến chế biến sản phẩm cuối cùng là kẽm thỏi, bột ô xít kẽm 60%, tinh quặng chì ~ 50% Pb. Nguyên liệu dùng để sản xuất các sản phẩm nêu trên từ quặng chì kẽm sunfua và quặng kẽm ô xít, được khai thác từ 02 đơn vị sản xuất là Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích và Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn – TMC. Nguồn tài nguyên khoáng sản khá ổn định và cơ bản đáp ứng nhu cầu cho sản xuất của Công ty. Để phát huy tối đa công suất của Nhà máy Kẽm và nâng cao hiệu quả SXKD, hàng năm Công ty có mua lượng nhỏ (1.000 – 3.000 tấn) khối lượng tinh quặng kẽm 50% nhằm phục vụ sản xuất.

5. Hiện trạng nguồn lực và hoạt động SXKD của Công ty

5.1. Tài nguyên, khoáng sản

- Về kẽm, chì: Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất các khu mỏ là 756.217 tấn (Zn+Pb) kim loại, trong đó trữ lượng là 284.753 tấn (Zn+Pb) kim loại, tổng trữ lưỡng trong ranh giới cấp phép khai thác là 272.301 tấn (Zn+Pb) kim loại;

+ Quặng ô xít: Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất các khu mỏ là 434.603 tấn (Zn+Pb) kim loại, trong đó trữ lượng là 142.246 tấn (Zn+Pb)kim loại;

+ Quặng sunfua: Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất các khu mỏ là 321.614 tấn (Zn+Pb) kim loại, trong đó trữ lượng là 142.507 tấn (Zn+Pb)kim loại, tổng trữ lượng trong ranh giới cấp phép khai thác là 130.055 tấn (Zn+Pb) kim loại;

- Về thiếc + đồng: Tổng trữ lượng, tài nguyên địa chất các khu mỏ là 9.416 tấn (Sn +Cu) kim loại, trong đó trữ lượng là 2.865 tấn (Sn +Cu) kim loại.

5.2. Nguồn vốn và tài sản (tính đến 31/12/2017)

a) Vốn

- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng;

+ Vốn chủ sở hữu: 318.209.986.076 đồng;

+ Vốn khác (vay, nợ phải trả): 166.500.242.840 đồng.

b) Tài sản tại thời điểm 31/12/2017.

- Tài sản cố định hữu hình;

STT	Khoản mục	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị hao mòn (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	488.544.478.689	355.184.269.599	133.360.209.090
2	Máy móc, thiết bị	223.922.846.543	166.057.319.798	57.865.526.745
3	Phương tiện vận tải	39.427.313.549	27.371.017.189	12.056.296.360
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.216.957.625	2.261.794.530	955.163.095
5	Tài sản cố định khác	-	-	-
	Cộng	**755.111.596.406**	**550.874.401.116**	**204.237.195.290**

- Tài sản cố định vô hình: Chỉ có chương trình phần mềm máy tính với nguyên giá bằng giá trị hao mòn lũy kế, số tiền 629.245.319 đồng;

- Tài sản cố định thuê tài chính: Không có.

5.3. Nguồn đất đai

Hiện nay, Công ty đang quản lý, sử dụng và xin cấp mới đất tại 02 địa phương Thái Nguyên, Bắc Kạn cụ thể như sau:

STT	Tên khu đất/địa chỉ	Tổng diện tích đất (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê đất	Hình thức
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
A	**CÔNG TY MẸ**	**741.115,9**			
1	**KHU MẶT BẰNG CƠ QUAN CÔNG TY**	**103.594**			
	Tại Phường Tân Lập, TP Thái Nguyên	**16.936,3**			
1.1	Nhà khách Công ty	5.628,0	Làm nhà khách Công ty	Đến ngày 01/8/2047	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.2	Nhà sinh hoạt công nhân	2.971,1	Làm nhà Sinh hoạt công nhân	Đến ngày 01/8/2047	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.3	Khu tập thể công nhân	3.752,9	Làm nhà ở tập thể	Đến ngày 01/8/2047	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.4	Sân bóng đá	4.584,3	Làm sân bóng đá Công ty	Đến ngày 01/8/2047	Miễn tiền thuê đất
	Tại phường Phú Xá, TP Thái Nguyên	**86.658,0**			
1.5	Khu văn phòng và nhà điều hành	5.116,0	Làm khu văn phòng điều hành Công ty	Đến ngày 01/8/2047	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.6	Khu xưởng sản xuất (PX màu I)	80.307	Xây dựng nhà xưởng SX	Đến ngày 01/8/2047	Trả tiền thuê đất hàng năm

STT	Tên khu đất/địa chỉ	Tổng diện tích đất (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê đất	Hình thức
2	**NM KẼM ĐIỆN PHÂN (Phường Bách Quang, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên)**	**98.019**			
2.1	Khu xưởng SX	9.636	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 01/3/2050	Trả tiền thuê đất hàng năm
2.2	Khu xưởng SX	19.594	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 01/3/2050	Trả tiền thuê đất hàng năm
2.3	Xây dựng văn phòng, xưởng SX	68.789	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 30/9/2023	Trả tiền thuê đất hàng năm
3	**Phân xưởng LKMII (Tại Phường Tân Thành, TP Thái Nguyên)**	**83.627**			
3.1	Khu vực VP, nhà xưởng	48.000	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 27/2/2048	Trả tiền thuê đất hàng năm
3.2	Khu vực bãi thải	35.627	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 30/4/2048	Trả tiền thuê đất hàng năm
4	**XN THIẾC ĐẠI TỪ (Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, Thái Nguyên)**	**71.554**			
4.1	Khu văn phòng và SXKD	15.200	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 01/1/2046	Trả tiền thuê đất hàng năm
5	**XN KC LÀNG HÍCH**	**159.224**			
	Tại xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, Thái Nguyên				
5.1	Khu khai thác Mỏ Ba	15.800	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 30/4/2018	Trả tiền thuê đất hàng năm
5.2	Văn phòng, khu tập thể và Khu xưởng SX	140.539	Làm khu văn phòng, khu nhà ở tập thể và khu xưởng SX	Đến ngày 31/01/2047	Trả tiền thuê đất hàng năm
5.3	Khu khai thác Sa Lung	2.885	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 30/4/2018	Trả tiền thuê đất hàng năm
	Tại xã Cúc Đường, huyện Võ Nhai, Thái Nguyên	**225.097,9**			
5.4	Xây dựng công trình phụ trợ, xưởng sản xuất	116.338	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 15/11/2029	Trả tiền thuê đất hàng năm
5.5	Khu khai thác khoáng sản (Khu Lân Chì)	108.760	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 15/11/2029	Trả tiền thuê đất hàng năm
B	**CÔNG TY KIM LOẠI MÀU BẮC KẠN**	**767.864**			

STT	Tên khu đất/địa chỉ	Tổng diện tích đất (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê đất	Hình thức
1	**Xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, Bắc Cạn**	**698.441**			
	Khu vực thôn Phia Khao	**402.230**			
1.1	Khu vực Phia Khao	33.500	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.2	Khu vực Phia Khao	48.321	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.3	Khu vực Phia Khao	7.100	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.4	Khu vực Phia Khao	32.350	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.5	Khu vực Phia Khao	26.740	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.6	Khu vực Phia Khao	62.150	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.7	Khu vực Phia Khao	13.925	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.8	Khu vực Phia Khao	32.580	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.9	Khu vực Phia Khao	8.653	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.10	Khu vực Phia Khao	2.795	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.11	Khu vực Phia Khao	30.605	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.12	Khu vực Phia Khao	25.298	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.13	Khu vực Phia Khao	7.341	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.14	Khu vực Phia Khao	51.190	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.15	Khu vực Phia Khao	8.432	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.16	Khu vực Phia Khao	11.250	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
	Khu vực Thôn Hợp Tiến	**152.520**			
1.17	Khu vực nhà ở TT CN	10.120	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 26/5/2034	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.18	Khu vực Văn phòng	142.400	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm

STT	Tên khu đất/địa chỉ	Tổng diện tích đất (m^2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn thuê đất	Hình thức
	Khu vực thôn Bản Nhượng	**141.321**			
1.19	Khu vực Xưởng tuyển	74.000	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 31/12/2028	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.20	Khu vực TT Xưởng tuyển	4.765	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 30/10/2030	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.21	Khu TT Xưởng tuyển	9.697,5	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 31/12/2031	Trả tiền thuê đất hàng năm
1.22	Khu xưởng sản xuất	52.858	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 08/4/2040	Trả tiền thuê đất hàng năm
	Khu vực Thôm Tầu	**2.370**			
1.23	Khu vực văn phòng phân xưởng Đèo An	2.370	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 15/11/2029	Trả tiền thuê đất hàng năm
2	**Xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn, Bắc Cạn**	**2.680**			
2.1	Khu vực thôn Bó Pia	1.620	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
2.2	Khu vực Bó Pia	1.060	Đất cơ sở SXKD	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
3	**Xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn, Bắc Cạn**	**66.743**			
3.1	Khu vực Bản Khang	37.473	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
3.2	Khu vực Bản Khang	29.270	Đất cho hoạt động khoáng sản	Đến ngày 05/3/2037	Trả tiền thuê đất hàng năm
	TỔNG CỘNG	**1.508.980**			

5.4. Cơ cấu lao động và chất lượng nguồn nhân lực

Tiêu chí	Số lượng lao động	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ lao động	**1.317**	**100%**
- Trên đại học	04	0,3%
- Đại học	294	22,3%
- Cao đẳng	22	1,67%
- Công nhân kỹ thuật, trung cấp	997	75,7%
II. Phân theo Hợp đồng lao động	**1.317**	**100%**
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	0	0
- Hợp đồng không xác định thời hạn	1.167	88,6%
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	150	11,4%

Tiêu chí	Số lượng lao động	Tỷ lệ
- Hợp đồng dưới 12 tháng, Hợp đồng thời vụ	0	0
III. Phân theo độ tuổi	**1.317**	**100%**
- Tuổi <31	292	22,17%
- Tuổi từ 31-45	943	71,6%
- Tuổi từ 46-55	78	5,9%
- Tuổi >55	4	0,3%
IV. Phân theo giới tính	**1.317**	**100%**
- Nam	1.001	76%
- Nữ	316	24%

(Tính đến thời điểm: 31/12/2017)

- *Theo trình độ lao động:* Công ty hiện có 1.317 người. Số lao động này đều là những người có kinh nghiệm trong công tác và được đào tạo cơ bản từ các trường công nhân kỹ thuật, cao đẳng, đại học chính quy phù hợp với chuyên ngành sản xuất chính của Công ty như: Địa chất - trắc địa, khai thác mỏ, luyện kim, tuyển khoáng, máy thiết bị mỏ, cơ điện, kinh tế mỏ.

- *Theo hợp đồng lao động:* Đối tượng lao động không xác định thời hạn chiếm 88,6 %, lao động có thời hạn từ 1-3 năm chiếm 11,4%; hợp đồng dưới 12 tháng, hợp đồng thời vụ Công ty không sử dụng. Điều này thể hiện tính ổn định trong kết cấu lao động của TMC, đa số người lao động là người địa phương nên có nguyện vọng gắn bó làm việc lâu dài với TMC cũng như mục tiêu Công ty sử dụng lao động có ngành nghề phù hợp với sản xuất của Công ty vì sự phát triển của Công ty.

- *Theo độ tuổi:* Lao động dưới 31 tuổi chiếm 22,17 %, lao động từ 31-45 tuổi chiếm 71,6%, tỷ lệ lao động trong 02 độ tuổi này lớn (chiếm 93,77%) thể hiện nguồn lực lao động tương đối trẻ của TMC, số lao động này đang ở vào giai đoạn có độ chín về kinh nghiệm và kỹ năng làm việc.

- *Theo giới tính:* Lao động nam chiếm 76% chủ yếu tham gia sản xuất trong các công đoạn kỹ thuật có công nghệ phức tạp, môi trường làm việc độc hại, nặng nhọc. Lao động nữ chiếm 24 % chủ yếu làm việc trong môi trường văn phòng, các công việc phục vụ, phụ trợ có tính phức tạp, nặng nhọc không cao.

5.5. Kết quả hoạt động SXKD

5.5.1. Tổng doanh thu hợp nhất 5 năm gần đây

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
			6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm			
1	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	428.479	179.354	319.958	504.868	620.753	800.406

2	Doanh thu tài chính	126	67	68	130	223	1.417
3	Thu nhập khác	6.716	1.817	4.377	3.518	4.765	566
	Tổng doanh thu	**435.321**	**181.238**	**324.403**	**508.516**	**625.741**	**802.389**

5.5.2. Chi phí hợp nhất 5 năm gần đây

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Cơ cấu chi phí	Năm 2013	Năm 2014		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
			6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm			
1	Giá vốn hàng bán	383.184	157.996	279.733	428.590	471.347	544.883
2	Chi phí tài chính	15.906	3.337	7.130	8.092	7.953	2.138
3	Chi phí bán hàng	169	49	51	1.395	1.158	1.192
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	33.591	26.677	29.946	40.006	42.622	45.487
5	Chi phí khác	7.222	3.872	1.680	1.037	2.743	1.902
	Tổng chi phí	**440.072**	**191.931**	**318.540**	**479.120**	**525.823**	**595.602**

5.5.3. Một số chỉ tiêu kết quả SXKD hợp nhất 5 năm gần đây

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
			6 tháng đầu năm	6 tháng cuối năm			
1	Tổng giá trị tài sản	370.570	528.253	471.670	462.563	472.761	492.134
2	Vốn Chủ sở hữu	83.523	180.000	184.476	207.249	258.718	318.209
3	Doanh thu thuần	428.479	179.345	319.958	504.868	471.347	800.406
4	Lợi nhuận gộp	45.295	21.358	40.224	76.277	149.906	255.523
5	Lợi nhuận thuần từ SXKD	(4.247)	(8.639)	3.164	29.913	97.874	208.123
6	Lợi nhuận khác	-	(2.054)	2.696	2.481	2.022	(1.335.)
7	Lợi nhuận trước thuế	(4.752)	(10.639)	4.476	29.394	99.917	206.787.
8	Lợi nhuận sau thuế	(5.053)	(10.743)	4.476	*22.772*	78.718	165.209.
9	Giá trị sổ sách	-	-				-
10	Cổ tức	-	-	2%	11%	45%	85%

6. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của Công ty

6.1. Công ty mẹ (Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico)

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định;

- Hội đồng quản trị có 05 thành viên gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra (trong đó 01 thành viên kiêm Giám đốc công ty), là cơ quan quản

lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm;

- Ban kiểm soát có 05 thành viên gồm 01 Trưởng ban và 04 kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của BKS là 5 năm;

- Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty gồm: Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng;

- Bộ máy giúp việc: Văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty có chức năng giúp việc cho HĐQT, Ban điều hành trong quản lý và điều hành công việc gồm có:

+ Phòng Kỹ thuật Mỏ;

+ Phòng Kỹ thuật Cơ điện;

+ Phòng Kỹ thuật Luyện kim – KCS;

+ Phòng Đầu tư Xây dựng;

+ Phòng Kế hoạch Kinh tế;

+ Phòng Tài chính Kế toán;

+ Phòng Tổ chức Lao động;

+ Phòng An toàn Môi trường

+ Văn phòng Công ty;

6.2. Công ty con (Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn – TMC)

- Hoạt động theo mô hình Công ty TNHH gồm: Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên (01 người) và Ban điều hành Công ty, gồm: Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;

- Bộ máy giúp việc: Văn phòng công ty và các phân xưởng sản xuất;

+ Văn phòng Công ty, gồm các phòng chuyên môn: Phòng Tổ chức Hành chính; phòng Kỹ thuật An toàn; phòng Kế hoạch Đầu tư; phòng Kế toán Thống kê;

+ Các đơn vị sản xuất gồm: Phân xưởng Khai thác I; Phân xưởng khai thác II; Phân xưởng Đèo An - Tham Tàu; Phân xưởng Lũng Cháy - Khuổi Khem; Phân xưởng Tuyển khoáng;

6.3.Công ty liên kết

Công ty liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái, đơn vị do Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sở hữu 40% vốn góp. Công ty liên doanh Công nghiệp kẽm Việt Thái đã dừng hoạt động từ năm 2008, hiện nay Công ty đang giải quyết những vấn đề tồn tại của công ty liên doanh.

6.4. Các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

- Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên;

Địa chỉ: Khu công nghiệp Sông Công, thành phố Sông Công, Thái Nguyên;

Nhiệm vụ: Sản xuất các sản phẩm kẽm kim loại, axit sunfuaric, các nguyên tố cộng sinh như đồng cadimi, chì;

- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích;

Địa chỉ: Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên;

Nhiệm vụ: Khai thác quặng kẽm chì sunfua, tuyển khoáng quặng kẽm chì sunfua;

- Xí nghiệp thiếc Đại Từ;

Địa chỉ: Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên;

Nhiệm vụ: Hiện nay đang dừng sản xuất do không có tài nguyên, bố trí lao động làm nhiệm vụ trong coi tài sản và bảo vệ ranh giới mỏ;

- Phân xưởng Luyện kim màu II (PX trực thuộc Văn phòng Công ty);

Địa chỉ: Phường Tân Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Nhiệm vụ: Sản xuất bột ô xít kẽm 60% Zn, tuyển luyện thiếc kim loại, gia công cơ khí, sửa chữa cơ điện trong các dây chuyền công nghệ luyện kim của các đơn vị;

- Phân xưởng Luyện kim màu I (PX trực thuộc Văn phòng Công ty).

Nhiệm vụ: Hiện nay đang dừng sản xuất, Công ty bố trí lao động làm nhiệm vụ trong coi tài sản và bảo vệ ranh giới đất;

Địa chỉ: Phường Phú Xá, thành phố Thái Nguyên;

SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ

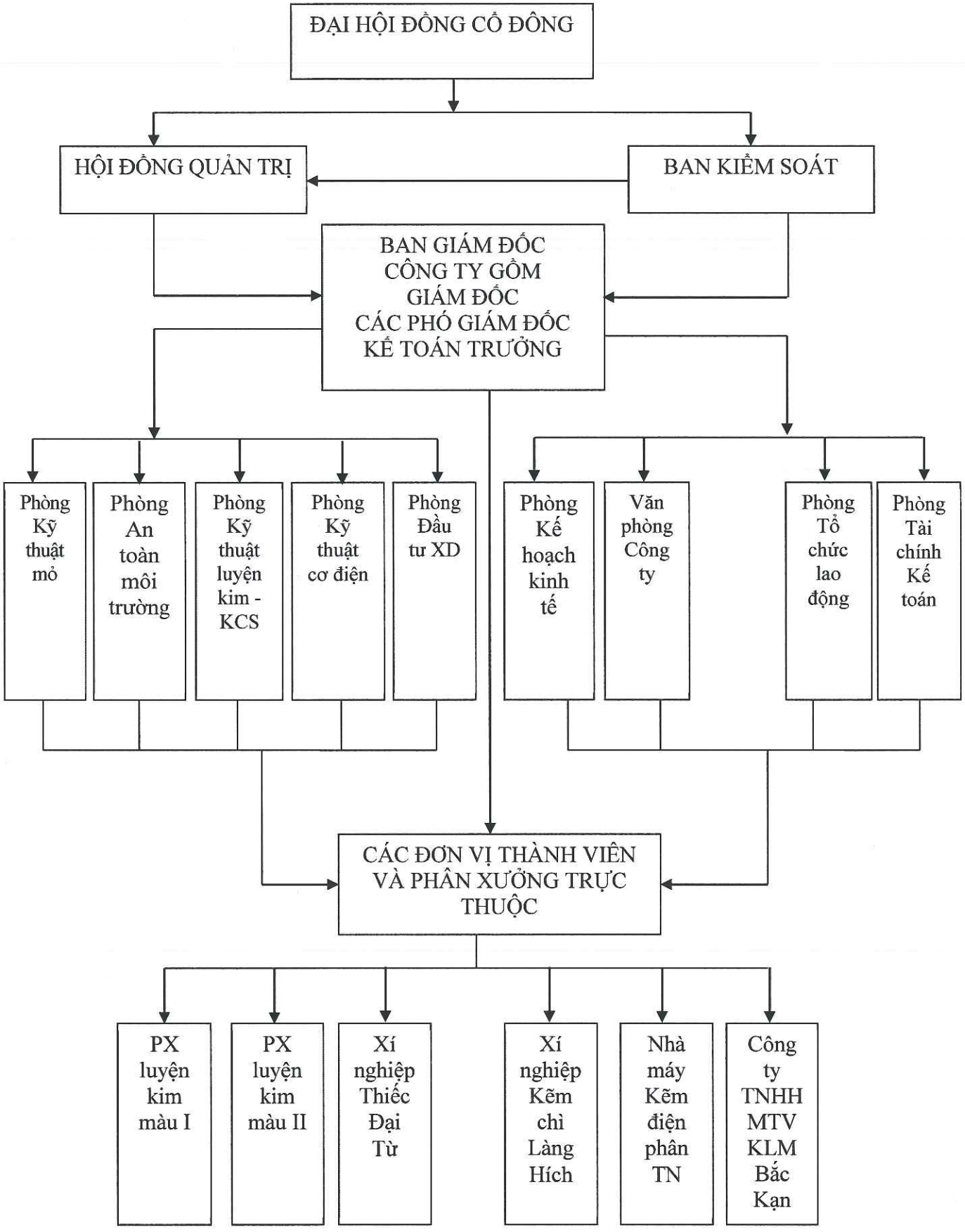

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU GIAI ĐOẠN NĂM 2014 - 2017

1. Kết quả đã đạt được

1.1. Về cơ cấu, mô hình tổ chức

- Thực hiện Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 21/2/2014 của HĐTV Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên thuộc Tổng công ty Khoáng sản -Vinacomin thành Công ty cổ phần. Ngày 01/7/2014, Công ty chính thức hoạt động mô hình Công ty cổ phần trong đó Tổng công ty Khoáng sản - TKV nắm giữ 51% vốn điều lệ Công ty;

- Tháng 11/2014, Công ty đã hoàn thành việc đăng ký Công ty đại chúng theo công văn số 6508/UBCKNN-TCPT ngày 21/11/2014 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Tiếp đó Công ty đã triển khai và đăng ký lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) vào tháng 9 năm 2016. Công ty chính thức đăng ký giao dịch trên sàn UpCom ngày 07/2/2017 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

a) Tại Văn phòng Công ty: Hoàn thiện mô hình, cơ chế quản lý nội bộ cơ quan Công ty; Tháng 12/2014 chuyển bộ phận y tế từ phòng ATMT sang phòng TCLĐ; Cơ cấu lại lao động toàn Công ty từ 1.464 người, còn 1.317 người; Năm 2015 tổ chức lại bộ máy Văn phòng công ty theo tính nâng cao hiệu quả hoạt động; Tháng 5/2016 tại cơ quan văn phòng Công ty thành lập phòng Kế hoạch Kinh tế Công ty trên cơ sở sáp nhập phòng Kế hoạch giá thành và phòng Kinh doanh Vật tư, như vậy bộ máy quản lý văn phòng đang từ 10 phòng chức năng xuống còn 09 phòng chức năng; Năm 2017 cơ cấu lại bộ phận Đảng đoàn, từ 4 người giảm còn 2 người; Hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý của Công ty.

b) Tại đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: Thực hiện định biên lao động, sắp xếp lại bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất tại các phân xưởng. Ngày 01/8/2017 đã sáp nhập phòng Tổ chức Hành chính Bảo vệ và phòng Kế toán Thống kê để thành lập Phòng Kế toán Tổng hợp có chức năng tham mưu, giúp việc lãnh đạo Xí nghiệp để quản lý các lĩnh vực Tài chính Kế toán, Lao động tiền lương, Quản trị hành chính và Bảo vệ quân sự; Thành lập phân xưởng Cúc Đường từ ngày 01/11/2017 trực thuộc Xí nghiệp; Mở rộng 01 tổ sản xuất (Lò Chì) thuộc PX khai thác 2;

- Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên: Thực hiện định biên lao động, sắp xếp lại bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất tại các phân xưởng, theo hướng giảm lao động quản lý và phụ trợ, tăng lao động công nghệ. Tháng 3/2017 cơ cấu lại bộ phận y tế từ 4 người giảm còn 1 người, bộ phận bảo vệ từ 19 người giảm còn 10 người, bộ phận nấu ăn từ 14 người giảm còn 9 người;

- Xí nghiệp thiếc Đại từ: Thành lập bộ phận bảo vệ, nhằm tăng cường bảo vệ tài nguyên mỏ Núi Pháo;

- Phân xưởng Luyện kim màu I (PX trực thuộc Văn phòng Công ty): Thực hiện tái cơ cấu, định biên lao động. Tháng 11/2017, điều chuyển toàn bộ chức năng, thiết bị sản xuất và 23lao động trong công nghệ xuống làm việc tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên để thuận tiện cho công tác quản lý tập chung. Hiện nay tại

Phân xưởng Luyện kim màu I chỉ bố trí lực lượng bảo vệ làm nhiệm vụ trông coi bảo vệ tài sản;

c) Tại công ty con (Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn)

Thực hiện định biên lao động, sắp xếp lại bộ máy quản lý, tổ chức sản xuất tại các phân xưởng, theo hướng giảm lao động quản lý và phụ trợ, tăng lao động công nghệ. Tháng 3/2015 thành lập phòng Tổ chức hành chính trên cơ sở sáp nhập 2 phòng Bảo vệ và phòng Tổ chức; Tháng 3/2017 cơ cấu lại các phân xưởng sản xuất, theo đó giải thể Phân xưởng Cơ Điện và thành lập tổ Khuổi Khem thuộc phân xưởng Lũng Cháy, trên cơ sở không tăng lao động.

1.2. Về quản trị doanh nghiệp

1.2.1.Công tác đầu tư xây dựng và phát triển tài nguyên

- Giai đoạn 2014-2017 Công ty đã không ngừng hoàn thiện trong công tác quản lý đầu tư xây dựng sau khi Công ty chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang Công ty cổ phần. Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Quy chế quản lý Đầu tư Xây dựng, lập kế hoạch đầu tư hàng năm trình HĐQT phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện. Giá trị kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm bình quân đạt trên 40 tỷ đồng;

- Đã triển khai một số dự án trọng điểm: Dự án Cúc Đường hoàn thành xong các gói thầu thuộc giai đoạn I; dự án đầu tư khai tuyển mỏ thiếc gốc tây nam Núi Pháo đã được cấp phép khai thác hiện đang chuẩn bị công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Các công trình đầu tư duy trì SX thực hiện theo đúng kế hoạch. Hiện đang thực hiện đầu tư công trình đóng bao tại PX LKMII và công trình quan trắc khí tự động tại Nhà máy Kẽm.

1.2.2. Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

a) Công tác An toàn Môi trường

Công ty đặt ra mục tiêu sản xuất phải đảm bảo an toàn, do vậy vấn đề an toàn và môi trường rất được Ban điều hành Công ty quan tâm chỉ đạo sát sao, đồng thời cũng thường xuyên tuyên truyền để người lao động thay đổi về nhận thức môi trường trong lao động. Kết quả Công ty đã triển khai một số công trình như: đầu tư công trình xử lý khí khói tại Nhà máy kẽm, cải tạo hệ thống thu nước mặt đấu nối hệ thống xử lý nước thải tại khu công nghiệp Sông Công; xây dựng các công trình BVMT tại cửa lò và củng cố đập hồ thải tại các đơn vị khai thác mỏ.

b) Công tác mỏ-tuyển

- Rà soát, triển khai toàn diện công tác quản lý kỹ thuật mỏ - địa chất gắn với thực hiện Thông tư 02/2013/TT-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản trị tài nguyên. Tăng cường kiểm soát các mặt quản lý đảm bảo không vi phạm các quy định về hoạt động khoáng sản và tài nguyên nước;

- Kiểm soát chặt chẽ nguồn tài nguyên, thực hiện khai thác theo đúng biện pháp kỹ thuật nhằm làm giảm tỷ lệ làm nghèo và tỷ lệ tổn thất nâng cao tỷ lệ thu hồi tài nguyên khoáng sản;

- Nâng cao hiệu quả khâu khai thác mỏ bằng các giải pháp tổng thể như đánh giá hiệu suất từng khâu công nghệ như khoan, nổ mìn, xúc bốc, vận tải, thải đất đá.

Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý tiên tiến, cơ giới hóa, tự động hóa từng khâu công nghệ. Nâng cao hơn nữa các chỉ tiêu công nghệ như quy mô bãi nổ mìn, kiểm soát sử dụng chỉ tiêu và loại thuốc nổ, nâng cao hệ số sử dụng mét khoan, tăng tỷ lệ huy động thiết bị mỏ…;

- Cứng hóa đường vận chuyển cố định để nâng cao năng lực thông qua của đường vận tải và an toàn; tối ưu hóa cung độ, độ dốc vận tải để giảm khối lượng, chi phí vận chuyển; điều hành phương hướng công trường khai thác tối ưu đảm bảo diện khai thác, vận tải, chất lượng quặng nguyên khai đem tuyển.

c) Công tác luyện kim

- Rà soát công tác quản lý kỹ thuật luyện kim, hệ thống qui trình thao tác công nghệ trong các dây chuyền của toàn Công ty, thay đổi và bổ sung những qui trình còn thiếu hoặc không phù hợp với thực tế sản xuất;

- Cử cán bộ kỹ thuật trực tiếp xuống nơi sản xuất, quản lý chặt chẽ nguyên nhiên vật liệu đầu vào, giám sát qui trình thao tác công nghệ và sản phẩm đầu ra;

- Triển khai thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản lý tiên tiến, cơ giới hóa, tự động hóa từng khâu công nghệ. Áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa trong sản xuất, đầu tư cải tiến thiết bị tiên tiến. Kết quả đã nâng cao các chỉ tiêu công nghệ, sản lượng vượt thiết kế, nâng cao chỉ tiêu thực thu kim loại, như thực thu lưu huỳnh năm 2017 là 88,5/85 % KH, kẽm kim loại đạt 91/90,6% KH. Hạ được giá thành sản xuất và đảm bảo được các chỉ tiêu về môi trường theo qui định, thực hiện tốt kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty.

d) Công tác cơ điện

- Duy trì sản xuất ổn định tại các đơn vị, một số dây chuyền còn vượt năng suất so với thiết kế như Nhà máy kẽm, xưởng tuyển Chợ Điền;

- Công tác gia công chế tạo, phục hồi trong sửa chữa thiết bị đươc tăng cường và đạt hiệu quả cao. Công tác SCL đã quản lý được định ngạch vào cấp đúng quy định, lập kế hoạch SCL có kiểm tra giám sát, lập sổ lý lịch theo dõi thiết bị. Kiểm soát chất lượng vật tư SCL đáp ứng được yêu cầu. Công tác gia công chế tạo, phục hồi trong SCTB được tăng cường và đạt hiệu quả.

1.2.3. Công tác quản trị

- Công tác tài chính thực hiện theo các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, Điều lệ công ty và Quy chế quản lý tài chính của Công ty ban hành theo Quyết định số 3422/QĐ-TMC ngày 29/12/2017 của HĐQT Công ty. Công ty xây dựng kế hoạch và quản lý tài chính trực tiếp tại các đơn vị trực thuộc, hướng dẫn quản lý tài chính theo phân cấp tại Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn. Thu xếp vốn cho các dự án ĐTXD được bảo đảm, cấp phát vốn SXKD cho các đơn vị kịp thời, năng lực tài chính của Công ty được nâng cao;

- Công tác khoán quản trị chi phí: Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 3186/QĐ-TMC ngày 14 /12/2017 về việc ban hành Quy chế khoán quản trị chi phí trong Công ty; Trên cơ sở đó Công ty ban hành hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá theo công đoạn sản xuất đối với các sản phẩm khoáng sản chính, ban hành danh mục vật tư, phụ tùng chủ yếu, có giá trị lớn để thực hiện

mua sắm tập trung, trên cơ sở Công ty triển khai cơ chế khoán quản trị chi phí đến tất cả các đơn vị chi nhánh, phân xưởng trực thuộc giao giá đến tận tổ đội sản xuất;

- Công tác quản lý vật tư: Việc mua sắm vật tư đều được thực hiện công khai, minh bạch bằng các hình thức chào giá cạnh tranh và thực hiện theo Quyết định số 3184/QĐ-TMC ngày 14/12/2017 về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư. Bên cạnh đó Công ty đã xây dựng và ban hành giá trần mua sắm vật tư; thực hiện mua sắm vật tư tập trung đối với những vật tư chính, tăng cường công tác gia công chế tạo phục hồi tái chế phụ tùng vật tư nhằm hạn chế mua mới. Kiểm soát chặt chẽ vật tư mua vào, sử dụng vật tư, lập kế hoạch vật tư, quản lý vật tư tồn kho thực hiện theo quy định không quá 6%.

1.2.4. Công tác lao động, tiền lương

a) Công tác lao động:

Hiện trạng sử dụng lao động của Công ty:

Chỉ tiêu	Đến ngày 31/12/2014	Tỷ lệ (%)	Đến ngày 31/12/2015	Tỷ lệ (%)	Đến ngày 31/12/2016	Tỷ lệ (%)	Đến ngày 31/12/2017	Tỷ lệ (%)
Tổng số	**1.465**	**100**	**1.353**	**100**	**1.312**	**100**	**1.317**	**100**
- LĐ Công nghệ	858	58,6	815	60,3	791	60,3	821	62,3
- LĐ Phụ trợ	223	15,2	163	12,0	154	11,7	176	13,4
- LĐ Phục vụ	203	13,8	185	13,7	176	13,4	135	10,3
-LĐ Quản lý	181	12,4	190	14,0	191	14,6	185	14,0

Biến động lao động trong Công ty từ năm 2014-2017: Có biến động giảm và biến động tăng, cuối kỳ biến động giảm 148 người, chủ yếu ở nhóm phụ trợ, phục vụ/tổng số lao động giảm, do đó nhóm quản lý vẫn giao động từ 13-14%.

b) Công tác tiền lương, thu nhập

TT	Đơn vị	Năm 2015		Năm 2016		Năm 2017	
		TNBQ (trđ)	So sánh lương TT vùng (%)	TNBQ (trđ)	So sánh lương TT vùng (%)	TNBQ (trđ)	So sánh lương TT vùng (%)
1	Cơ quan	7,908	287,6	8,162	263,3	11,460	345,2
2	PX LK màu1	5,480	199,3	5,074	163,7	8,745	263,4
3	PX LK màu 2	4,754	172,9	4,375	141,1	9,328	281,0
4	NM Kẽm	6,316	263,2	6,565	243,2	9,253	278,7
5	BMC	6,772	315,0	6,583	274,3	9,667	374,7
6	Làng Hích	6,215	259,0	6,129	227,0	9,618	331,7
7	Đại Từ	3,217	134,0	3,860	143,0	4,064	140,2

- Ban hành Quy chế quản lý lao động tiền lương, xây dựng cơ chế trả lương khuyến khích người lao động trong đó ưu tiên lao động công nghệ, lao động khai thác hầm lò và lao động có tay nghề trình độ cao;

- Thực hiện kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ phân phối tiền lương, đảm bảo toàn bộ nguồn lương, tiền lương được chi trả hết cho Người lao động.

1.2.5. Công tác cơ giới hóa, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật

- Công tác cơ giới hóa là một trong những mục tiêu quan trọng nhằm tăng năng suất, sản lượng, nâng cao mức độ an toàn, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động và tăng thu nhập, nâng cao hiệu quả SXKD. Trong những năm qua, Công ty đã rất quan tâm đến công tác cơ giới hóa, đã thành lập Ban chỉ đạo, tổ chức triển khai rà soát xác định mục tiêu thực hiện. Kết quả bước đầu đã thực hiện được như sau:

+ Công tác mỏ tuyển: Xác định những khu khai thác có điều kiện thuận lợi để ứng dụng đưa tàu điện kéo goòng vào nâng cao năng lực vận tải (tại mỏ Chợ Điền); Cơ giới hóa trong khâu xúc bốc bằng máy cào vơ và vận tải bằng tàu điện cho mỏ thiếc Núi Pháo; đầu tư tời nâng 5 tấn tại các giếng đứng để nâng cao năng suất;thay thế thiết bị máy nén khí trục vít động cơ điện tại các gương khai thác để giảm tiếng ồn, nâng cao năng lực khoan nổ, đẩy nhanh tiến độ đào lò và tiến gương khai thác. Bổ sung sử dụng thiết bị tuyển Cell thay thế các máy tuyển truyền thống cho tuyển chì (tại Chợ Điền) và hệ thống tuyển nổi (tại Làng Hích khi có thêm sản phẩm từ mỏ Cúc Đường). Bổ sung thêm hệ thống lọc ép tinh quặng chì tại các xưởng tuyển nổi chì kẽm trong Công ty góp phần cải thiện điều kiện làm việc tại các xưởng tuyển;

+ Công tác luyện kim: Đầu tư máy vê viên nhằm tăng cường thêm cho công tác trộn liệu vào cấp lò; đầu tư hệ thống nồi hơi tầng sôi công suất 8 tấn/h thay thế cho hệ thống nồi hơi ghi xích 4 tấn/h sử dụng pa lăng xích điện thay thế cho pa lăng xích kéo, cải tạo hệ thống kênh dẫn của lò thiêu lớp sôi từ gạch sang làm mát bằng nước; cải tạo hệ thống bunke giảm lao động thủ công bốc xúc;

1.2.6. Hệ thống văn bản quản lý

Sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động, Công ty đã rà soát và hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý nội bộ theo các văn bản quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty. Đến nay Công ty đã xây dựng và ban hành 63 văn bản quản lý gồm 10 quy chế, 53 quy định quản lý phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu quản lý, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.

2. Những tồn tại và hạn chế

- Công tác ATMT: Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, nhận thức về ATMT của NLĐ còn chưa cao;

- Khai thác mỏ-tuyển khoáng: Hiện nay điều kiện sản xuất khó khăn, tài nguyên biến động cả về hàm lượng và trữ lượng, chất lượng sản phẩm không cao, tăng chi phí. Tiến độ cấp phép khai thác mỏ chậm nên dẫn đến tiến độ đầu tư công trình chậm;

- Công tác luyện kim: Công nghệ tại đơn vị luyện kim chưa ổn định, còn xảy ra các sự cố.Việc kiểm soát công nghệ, nguyên nhiên vật liệu đầu vào đôi khi chưa đạt yêu cầu làm ảnh hưởng đến SXKD, các qui trình qui định về công nghệ sản xuất luyện kim còn bị động trong việc bổ sung thay đổi phù hợp với thực tiễn sản xuất từng giai đoạn cụ thể;

- Công tác cơ điện: MMTB càng ngày càng xuống cấp, công tác kiểm tra, bảo dưỡng MMTB còn nhiều hạn chế, chất lượng và tiến độ sửa chữa các công trình còn hạn chế;

- Công tác đầu tư xây dựng: Một số dự án của Công ty triển khai chậm do bất cập trong việc tính thuế, phí; những thay đổi của pháp luật trong hoạt động khoáng sản. Dự án mở rộng Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên đã hoàn thành lập xong dự án nhưng không được ĐHĐCĐ thông qua để triển khai thực hiện.

3. Kết quả thực hiện đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động

3.1. Đổi mới cơ cấu lao động

- Thực hiện lộ trình tái cơ cấu lao động giai đoạn 2014-2017, lao động quản lý đã giảm từ 14,6% xuống còn 14,0%; lao động công nghệ tăng 58% lên 62,3%;

- Cán bộ quản lý kỹ thuật; lao động kỹ thuật của các ngành sản xuất chính của Công ty gồm:luyện kim, tuyển khoáng, khai thác mỏ, kỹ thuật sửa chữa các thiết bị cơ điện ... đã được đảm bảo, với cơ cấu ngành nghề hợp lý đáp ứng yêu cầu cho sản xuất và phát triển lâu dài.

3.2. Chất lượng nguồn nhân lực

- Cán bộ quản lý: 100% cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật tại cơ quan Công ty đều có trình độ tối thiểu tốt nghiệp Đại học.Có phẩm chất tốt về đạo đức, chính trị, có sức khỏe và tâm huyết gắn bó làm việc lâu dài với Công ty;

- Hàng năm Công ty cử các cán bộ đi học tập nâng cao trình độ tại Trường Quản trị kinh doanh của TKV và địa phương để cập nhật kiến thức, phục vụ cho công tác quản lý điều hành tại đơn vị;

- Trong thời gian từ năm 2014 đến nay, công ty đã tuyển dụng 153 lao động, trong đó đại học 12 người, 141 người là CNKT đã qua đào tạo.Những lao động này một số đã có kinh nghiệm công tác đối với những ngành nghề có liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty hoặc những cán bộ trẻ có trình độ, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của Công ty chủ yếu liên quan đến đội ngũ chuyên môn khai thác, địa chất, tuyển khoáng, kế hoạch giá thành...;

- Công nhân kỹ thuật: Đội ngũ CNKT thường xuyên được đào tạo giữ bậc, nâng bậc tại các hệ thống trường đào tạo CNKT của Nhà nước và các trường đào tạo của TKV. Một số lao động là CNKT tuyển khoáng, luyện kim đã được cử đi tham quan, học tập tay nghề tại Trung Quốc. Công ty vẫn đảm bảo đủ số lượng và chất lượng đội ngũ công nhân lành nghề trong khai thác, chế biến khoáng sản, luyện kim và chế tác kim loại cho yêu cầu sản xuất và dự nguồn lao động cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

3.3.Năng suất lao động

Sau khi chuyển đổi mô hình hoạt động thành CTCP, Ban điều hành Công ty đã quyết liệt triển khai đồng bộ nhiều giải pháp tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tái cơ cấu lao động, áp dụng khoa học kỹ thuật …, nên năng suất lao động theo sản lượng tiêu thụ quy đổi của Công ty tăng trung bình xấp xỉ 10%/năm, cụ thể:

- Tiền lương bình quân: năm 2014 đạt 5,62 triệu /người /tháng; năm 2015 đạt 6,28 triệu /người /tháng; năm 2016 đạt 7,80 triệu /người /tháng; năm 2017 đạt 8,46 triệu/người/tháng;

- Năng suất LĐ theo sản lượng tiêu thụ quy đổi: năm 2014 đạt 7,28 tấn/người/năm; năm 2015 đạt 8,75 tấn /người /năm; năm 2016 đạt 9,38 tấn /người /năm; năm 2017 đạt 9,94 tấn /người /năm;

CHƯƠNG II
ĐỀ ÁN TÁI CƠ CẤU CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO GIAI ĐOẠN 2018-2020

I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU

1. Để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế thị trường,Công ty cần phải có bước chuyển mình, phân tích và hợp lý hóa, cơ cấu lại tổ chức, các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư cho phù hợp với mục tiêu chiến lược của Công ty. Nếu không tái cơ cấu Công ty sẽ có nguy cơ bị tụt hậu so với sự phát triển của nền kinh tế trong nước, thế giới.

2. Tái cơ cấu sẽ tăng cường tính hiệu quả trong điều hành quản lý của Công ty, từng bước cải thiện tình hình tài chính và kinh doanh của Công ty theo chiều hướng tốt lên.

3. Giúp Công ty phát triển ổn định, bền vững. Đời sống thu nhập của người lao động đảm bảo ổn định cuộc sống.

II. NGUYÊN TẮC TÁI CƠ CẤU

- Tái cơ cấu đảm bảo mô hình tổ chức quản lý của Công ty phù hợp quy định của pháp luật;

- Tinh giản bộ máy quản lý, điều hành, tập trung không qua nhiều cấp trung gian, tăng cường quản lý điều hành trực tiếp từ Công ty đến đơn vị sản xuất;

- Việc tái cơ cấu, sắp xếp lại các chi nhánh, công ty con phù hợp với mô hình tăng trưởng kinh tế, phạm vi và quy mô kinh doanh của Công ty trong các năm tới vì mục tiêu phát triển bền vững;

- Tập trung nguồn vốn để đẩy mạnh phát triển các dự án trọng điểm của Công ty trong những năm tiếp theo đồng thời tăng cường cơ giới hóa trong lao động sản xuất, giảm lao động thủ công, chuyên môn hóa ngành nghề, phát triển ổn định công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm trên thị trường;

- Đảm bảo kinh doanh có lợi nhuận.

III. MỤC TIÊU TÁI CƠ CẤU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao năng lực lãnh đạo; đoàn kết, đổi mới, chủ động, sáng tạo, huy động mọi nguồn lực phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;

- Xây dựng Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - VIMICO thành nhà sản xuất kẽm, chì số 1 Việt Nam, đạt các tiêu chí: An toàn, hiện đại, ít người, năng suất cao, sạch, tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa

phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, đảm bảo lợi ích của người lao động và của các Cổ đông.

2. Mục tiêu cụ thể

Các chỉ tiêu chủ yếu phấn đấu đến năm 2020 đạt:

- Kẽm thỏi: 15.000 tấn/năm;
- A xít sunfuaric: 15.000 tấn/năm;
- Tinh quặng chì ~50%Pb: 3.500 tấn/năm;
- Tinh quặng chì ~20%Pb: 4.000 tấn/năm;
- Thiếc 99,975%: 100 tấn/năm;
- Tinh quặng đồng 22%: 679 tấn/năm;
- Chì 99,75%: 5.000 tấn/năm;
- Doanh thu bình quân: Tăng tối thiểu từ 5 %/năm;
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu: Cân đối để đảm bảo tỷ lệ cổ tức thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ hàng năm thông qua;
- Quy mô lao động theo sản lượng nhưng không quá 1.300 lao động;
- Tỷ lệ cổ tức hàng năm: Không thấp hơn lãi xuất tiền gửi kỳ hạn bình quân 12 tháng của Ngân hàng Vietin Bank;
- Năng suất LĐ quy đổi tăng tối thiểu: 5%/năm;
- Thu nhập bình quân tăng tối thiểu: 5%/năm;
- Tổng giá trị đầu tư giai đoạn 2018-2020: 434 tỷ đồng.

IV. NỘI DUNG TÁI CƠ CẤU

1. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

- Thăm dò khai thác, chế biến khoáng sản kim loại màu, sản xuất kim loại màu, gồm kẽm, chì, đồng, thiếc;
- Chế biến sâu các sản phẩm từ kẽm kim loại, axit sunfuaric.

2. Niêm yết cổ phiếu

Giai đoạn 2018-2020 thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty (mã cổ phiếu TMG) trên sàn giao dịch chứng khoán để nâng cao hơn nữa trong việc công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, cổ đông.

3.Mô hình tổ chức và định biên lao động

Thực hiện chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên Kim loại màu Bắc Kạn – TMC thành chi nhánh của Công ty. Như vậy Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico chuyển sang hoạt động theo mô hình 01 cấp, gồm Văn phòng công ty và các chi nhánh của Công ty.

3.1. Văn phòng công ty

a) Mô hình tổ chức: Giữ nguyên cơ cấu tổ chức gồm Ban Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng và 9 phòng chức năng, gồm;

- Phòng kỹ thuật Mỏ: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 02 phó trưởng

phòng và các nhân viên nghiệp vụ

- Phòng kỹ thuật ATMT: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 01 phó phòng và các nhân viên phụ trách các lĩnh vực chuyên môn;

- Phòng kỹ thuật Cơ điện: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

- Phòng kỹ thuật Luyện kim - KCS: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và nhân viên nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật;

- Phòng Kế hoạch Kinh tế: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 02 phó trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

- Phòng Tài chính Kế toán: Định biên lao động gồm Kế toán trưởng phụ trách phòng, 01 phó trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

- Phòng Tổ chức Lao động: Sáp nhập bộ phận y tế của NM kẽm vào bộ phận y tế thuộc phòng, về định biên lao động gồm Trưởng phòng, 01 phó Trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

- Phòng Đầu tư Xây dựng: Định biên lao động gồm Trưởng phòng, 01 phó Trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

- Văn phòng Công ty: Định biên lao động gồm Chánh Văn phòng, 02 Phó chánh văn phòng và các nhân viên thừa hành nghiệp vụ, lái xe;

b) Tỷ lệ lao động giữa các khối:

- Lao động quản lý của toàn Công ty nhỏ hơn 12%;

- Lao động phụ trợ nhỏ hơn 22%;

- Lao động công nghệ 66%.

3.2. Phân xưởng trực thuộc

- Phân xưởng luyện kim màu I: Thực hiện giải thể phân xưởng, chuyển nhượng tài sản trên đất và trả đất cho địa phương quản lý. Số lao động hiện nay chủ yếu là lực lượng bảo vệ, được bố trí về chi nhánh thiếc Đại Từ làm việc hoặc giải quyết chấm dứt hợp đồng lao động (nếu có).

Thời gian thực hiện trong năm 2018 -2019.

- Phân xưởng luyện kim màu II: Đổi tên thành phân xưởng Luyện bột kẽm trực thuộc Văn phòng Công ty. Tổ chức bộ máy phân xưởng gồm: Quản đốc, 01 Phó Quản đốc, 02 kỹ thuật phân xưởng, 01 thủ kho kiêm thống kê, bộ phận bảo vệ, bộ phận nấu ăn, vệ sinh công nghiệp và lao động 03 ca sản xuất.

Thời gian thực hiện trong năm 2018.

3.3. Các chi nhánh Công ty

3.3.1. Chi nhánh kẽm chì Làng Hích - TMC

a) Chuyển Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích thành chi nhánh kẽm chì Làng Hích - TMC, đổi tên phòng Kế toán tổng hợp thành phòng Tổng hợp, thực hiện định biên, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với thực tế hoạt động. Đổi tên phòng Kế hoạch Vật tư thành phòng Kinh tế. Như vậy bộ máy hoạt động của chi nhánh kẽm chì Làng Hích, gồm: Ban Giám đốc (Giám đốc và 01 Phó Giám đốc); 03 phòng chức năng (gồm: Phòng Kỹ thuật - An toàn Môi trường, Phòng Kinh tế, Phòng

Tổng hợp) và 04 Phân xưởng trực thuộc (gồm: Phân xưởng khai thác 1, Phân xưởng khai thác 2, Phân xưởng Cúc Đường và Phân xưởng Tuyển khoáng).

b) Tỷ lệ lao động giữa các khối:

- Tỷ lệ lao động quản lý nhỏ hơn 10%;

- Tỷ lệ lao động phụ trợ nhỏ hơn 20%;

- Lao động công nghệ 70%.

c) Thời gian thực hiện: Trong năm 2018 -2019

3.3.2 Chi nhánh thiếc Đại từ - TMC

a) Chuyển Xí nghiệp thiếc Đại Từ thành Chi nhánh thiếc Đại từ - TMC. Cơ cấu lại tổ chức, bố trí lao động phù hợp với mô hình thực tế hoạt động sản xuất. Bộ máy hoạt động của Chi nhánh thiếc Đại từ như sau: Ban Giám đốc (Giám đốc và 01 Phó giám đốc); 03 phòng chức năng (gồm: Phòng Kỹ thuật - An toàn Môi trường, Phòng Kinh tế và Phòng Tổng hợp) và 02 Phân xưởng trực thuộc (gồm: Phân xưởng khai thác và Phân xưởng Tuyển khoáng).

b) Tỷ lệ lao động giữa các khối:

- Tỷ lệ lao động quản lý nhỏ hơn 10%;

- Tỷ lệ lao động phụ trợ nhỏ hơn 20%;

- Lao động công nghệ 70%.

c) Thời gian thực hiện: Trong năm 2018 -2020

3.3.3. Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - TMC

a) Chuyển đổi Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn thành Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - TMC. Cơ cấu lại tổ chức, bố trí lao động phù hợp với mô hình thực tế hoạt động sản xuất.

b) Bộ máy hoạt động của Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn sau khi chuyển đổi mô hình tổ chức như sau:

Văn phòng chi nhánh, gồm: Ban Giám đốc chi nhánh (gồm: Giám đốc và 02 Phó giám đốc, Kế toán trưởng), 03 phòng nghiệp vụ và 05 phân xưởng sản xuất.

- 03 phòng chức năng gồm:

+ Phòng Tổ chức Hành chính đổi tên thành phòng Tổng hợp, định biên lao động gồm Trưởng phòng, 01 Phó phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

+ Hợp nhất Phòng Kế hoạch Đầu tư và phòng Kế toán Thống kê đổi tên thành phòng Kinh tế, định biên lao động gồm Trưởng phòng, 02 Phó phòng và các nhân viên nghiệp vụ;

+ Phòng Kỹ thuật – ATMT giữ nguyên tên gọi, định biên lao động gồm Trưởng phòng, 02 Phó phòng và các nhân viên nghiệp vụ.

- 05 phân xưởng sản xuất, gồm:

+ Phân xưởng Khai thác I: Tổ chức phân xưởng gồm bộ phận quản lý và công nhân kỹ thuật. Bộ phận quản lý phân xưởng, gồm: Quản đốc, 02 Phó Quản đốc, kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kinh tế phân xưởng;

+ Phân xưởng Khai thác II: Tổ chức phân xưởng gồm bộ phận quản lý và

công nhân kỹ thuật. Bộ phận quản lý phân xưởng, gồm: Quản đốc, 02 Phó Quản đốc, kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kinh tế phân xưởng;

+ Phân xưởng Đèo An - Tham Tàu: Tổ chức phân xưởng gồm bộ phận quản lý và công nhân kỹ thuật. Bộ phận quản lý phân xưởng, gồm: Quản đốc, 01 Phó Quản đốc, kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kinh tế phân xưởng;

+ Phân xưởng Lũng Cháy - Khuổi Khem: Tổ chức phân xưởng gồm: bộ phận quản lý và công nhân kỹ thuật. Bộ phận quản lý phân xưởng, gồm: Quản đốc, 01 Phó Quản đốc, kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kinh tế phân xưởng;

+ Phân xưởng Tuyển khoáng: Tổ chức phân xưởng gồm bộ phận quản lý và công nhân kỹ thuật. Bộ phận quản lý phân xưởng, gồm: Quản đốc, 01 Phó Quản đốc, kỹ thuật phân xưởng, nhân viên kinh tế phân xưởng;

b) Tỷ lệ lao động giữa các khối:

- Tỷ lệ lao động quản lý nhỏ hơn 10%;

- Tỷ lệ lao động phụ trợ nhỏ hơn 22%;

- Còn lại là lao động công nghệ 68%.

d) Thời gian thực hiện: Trong năm 2018.

3.3.4. Chi nhánh kẽm điện phân Thái Nguyên - TMC

a) Chuyển Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên thành Chi nhánh kẽm điện phân Thái Nguyên - TMC, chuyển bộ phận y tế sáp nhập vào bộ phận y tế của phòng TCLĐ Công ty, còn lại giữ nguyên mô hình tổ chức bộ máy như hiện nay, gồm: Văn phòng chi nhánh và các phân xưởng sản xuất. Thực hiện định biên, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với thực tế hoạt động. Cụ thể bộ máy tổ chức và định biên lao động của Chi nhánh như sau:

- Văn phòng chi nhánh, gồm: Ban Giám đốc chi nhánh (gồm: Giám đốc và Phó giám đốc), phòng Tổng hợp (gồm Trưởng phòng, 01 Phó phòng và các nhân viên nghiệp vụ), phòng Kế hoạch Vật tư đổi tên thành phòng Kinh tế (gồm Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ), phòng Kỹ thuật – ATMT (gồm Trưởng phòng, 02 Phó trưởng phòng và các nhân viên nghiệp vụ).

- Phân xưởng sản xuất gồm: Phân xưởng thiêu và sản xuất axit; Phân xưởng Hòa tách điện phân; Phân xưởng năng lượng; tổ chức sản xuất và bố trí lao động giữ nguyên như hiện nay.

b) Tỷ lệ lao động giữa các khối:

- Tỷ lệ lao động quản lý nhỏ hơn 10%;

- Tỷ lệ lao động phụ trợ nhỏ hơn 20%;

- Còn lại là lao động công nghệ 70%.

c) Thời gian thực hiện: Trong năm 2018 -2019

3.5. Công ty liên kết - Công ty liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái:

Tiếp tục nghiên cứu, lựa chọn hình thức tái cơ cấu Công ty Liên doanh Công nghiệp Kẽm Việt Thái phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, những quy định của pháp luật và đảm bảo mục tiêu thu hồi vốn góp tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Tái cấu trúc quản trị doanh nghiệp

4.1. Nghiên cứu triển khai áp dụng KPI và 5S

- Tạo môi trường làm việc thuận tiện, thoải mái cho mọi vị trí trong Công ty. Giảm thiểu các chi phí gây lãng phí cho doanh nghiệp đồng thời nâng cao ưu thế cạnh tranh trên thị trường;

- Đảm bảo an toàn sản xuất và phòng ngừa các rủi ro một cách chủ động; Nâng cao ý thức làm việc vì lợi ích tập thể; tăng cường tính đoàn kết, gắn bó giữa lãnh đạo và nhân viên, giữa nhân viên với nhân viên;

- Khuyến khích sự sáng tạo và cải tiến của các CBCNV thông qua 5S; Tạo dựng, củng cố và nâng cao hình ảnh chuyên nghiệp của đơn vị trong con mắt khách hàng;

- Thực hiện KPI giúp cho việc thiết lập và đạt được các mục tiêu chiến lược thông qua việc xây dựng các mục tiêu cụ thể ở các vị trí, bộ phận, đơn vị trong Công ty. Qua đó Ban Lãnh đạo, đội ngũ quản lý có thể theo dõi các chỉ số để đánh giá hiệu quả năng lực của từng vị trí, tập thể hay một cá nhân trong Công ty khi thực hiện nhiệm vụ. Từ đó sẽ trả lương xứng đáng đối với vị trí công việc, khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động.

4.2. Công tác quản trị tài nguyên

a) Công tác địa chất mỏ

- Cập nhật tài liệu địa chất mỏ thường xuyên có hệ thống trong suốt quá trình khai thác, hồ sơ gồm: nhật ký địa chất mỏ; thiết đồ các công trình khai thác; sổ lấy mẫu hiện trường các loại; sổ gia công và phiếu phân tích mẫu hóa, cơ lý,….

- Xác định các thông số đối với quặng nguyên khai, gồm: trữ lượng, hàm lượng, thể trọng, độ ẩm, hệ số làm nghèo, hệ số tổn thất trong quá trình khai thác, trước khi đưa quặng nguyên khai vào tuyển.

- Kiểm soát chặt chẽ ranh giới thân quặng trong suốt quá trình khoan nổ mìn, xúc bốc đạt hệ số làm nghèo, tổn thất theo yêu cầu thiết kế của mỏ.

- Thường xuyên tổng hợp tài liệu địa chất mỏ đáp ứng công tác chỉ đạo khai thác đạt hiệu quả cao nhất; định hướng cho công tác lập kế hoạch khai thác (tháng, quý, năm) đạt hiệu quả đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

- Lập, triển khai các phương án thăm dò khai thác gồm các công tác (giếng, lò, khoan) kết hợp lấy và phân tích mẫu hóa quặng nhằm chính xác hóa các khối, thân quặng đạt yêu cầu về chất lượng, trữ lượng trước khi đưa vào lập kế hoạch khai thác hàng năm.

- Kiểm soát thường xuyên trữ lượng, tài nguyên còn lại tại các mỏ, báo cáo cơ quan chức năng theo quy định của luật khoáng sản.

- Tài liệu lưu trữ tại mỏ gồm: Bản lời, các bản vẽ và phụ lục tính toán các thông số tính trữ lượng địa chất, quặng nguyên khai kèm theo.

b) Công tác phát triển tài nguyên

- Tiếp tục triển khai TDBSNCTL các mỏ Chợ Điền, mỏ Lang Hit, mỏ Cúc Đường và mỏ thiếc tiểu khu phía nam khu Tây Núi Pháo theo Luật khoáng sản trong các Giấy phép khai thác đã được cấp.

- Thăm dò BSNCTL tài nguyên dưới sâu cho các mỏ Chợ Điền; Thăm dò khu vực Đầm Vạn, xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Lập kế hoạch phát triển tài nguyên từ năm 2018 đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 cho Công ty. Cụ thể: Phối hợp với chuyên gia đầu ngành về địa chất và khoáng sản tiến hành khảo sát, tổng hợp tài liệu đề xuất những khu vực có triển vọng khoáng sản (chì, kẽm, thiếc, đồng, vàng,...) tại tỉnh Bắc Kạn, Thái Nguyên (ngoài các diện tích đã được cấp phép khai thác), hoàn thiện hồ sơ trình cơ quan chức năng xin cấp phép thăm dò.

4.3. Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

a) Công tác khai thác mỏ

- Kiểm soát chặt chẽ các tài nguyên và ranh giới mỏ, giảm tỷ lệ tổn thất, làm nghèo quặng. Tăng cường thực hiện công tác thăm dò khai thác để nâng cao độ tin cậy tài nguyên trong quá trình khai thác;

- Nâng cao hiệu quả khâu khai thác mỏ bằng các giải pháp tổng thể, đánh giá hiệu quả của từng khâu công nghệ, kiểm soát các chỉ tiêu và loại thuốc nổ, nâng cao hiệu quả sử dụng mét khoan, tăng tỷ lệ huy động thiết bị mỏ;

- Phối hợp với đơn vị tư vấn rà soát đánh giá và triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác tại mỏ và thăm quan khảo sát học tập kinh nghiệm quản lý tại các mỏ đồng hoặc kim loại màu trong và ngoài nước;

- Đầu tư công nghệ, thiết bị khai thác hầm lò tiên tiến, hiện đại theo hướng tự động hóa để giảm thiểu tối đa nhân lực tham gia vận hành, đào lò trong điều kiện tuyển dụng nhân lực khai thác hầm lò ngày càng khó khăn.

b) Công tác tuyển khoáng

- Đối với quặng sulfua: Tiếp tục hoàn thiện công nghệ và thiết bị; bổ sung sử dụng thiết bị Cell tuyển thay thế các máy tuyển nổi cơ giới; Nâng công suất ở xưởng tuyển Chợ Điền đạt > 120.000 tấn NK/năm; đầu tư bổ sung công nghệ để có thể thu hồi triệt để các khoáng vật đi kèm, nâng cao thực thu và chất lượng các sản phẩm tuyển;

- Đẩy nhanh tiến độ thi công xưởng tuyển quặng đa kim Núi Pháo - Đại Từ - Thái Nguyên, công suất 30.000 tấn NK/năm vào sản xuất ổn định đạt các chỉ tiêu thiết kế;

- Đối với quặng ôxit: Ổn định, nâng cao các chỉ tiêu công nghệ xưởng tuyển quặng ôxit chì tại Chi nhánh kẽm chì Làng Hích- TMC, đạt công suất 40.000 tấn NK/năm. Nghiên cứu công nghệ tuyển quặng ôxit kẽm nghèo tại các mỏ quản lý.

c) Công tác luyện kim

- Cải tạo công nghệ và nâng công suất NM kẽm từ 10.000 tấn lên 15.000 tấn/năm, nâng cao các chỉ tiêu công nghệ thực thu kẽm thỏi > 91,0 %, thực thu Lưu huỳnh trong sản xuất A xít từ > 88,0 %, chất lượng kẽm thỏi đạt > 99,99% và đáp ứng được các yêu cầu và qui định hiện hành về môi trường;

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật luyện kim, giám sát chặt trẽ quy trình công nghệ, nguyên nhiên vật liệu đầu vào và chất lượng sản phẩm;

- Xây dựng các mô hình sản xuất pi lốt để kiểm chứng, phát triển công nghệ, làm chủ công nghệ sản xuất, kịp thời điều chỉnh bổ sung công nghệ phù hợp với thực tế sản xuất từng giai đoạn;

- Triển khai thực hiện các giải pháp, biện pháp kỹ thuật và quản lý tiên tiến, cơ giới hóa, tự động hóa từng khâu công nghệ. Áp dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất, đầu tư cải tiến thiết bị các công đoạn để nâng cao các chỉ tiêu công nghệ, sản lượng, hạ được giá thành sản xuất và đảm bảo được các chỉ tiêu về môi trường theo qui định, thực hiện tốt kế hoạch SXKD hàng năm của Công ty;

- Không ngừng đổi mới đầu tư công nghệ, nghiên cứu sử dụng nguồn nguyên liệu thay thế để bổ sung một phần nguyên liệu cho sản xuất hiện tại, đa dạng hóa các sản phẩm của Công ty. Nghiên cứu tận thu tối đa các khoáng sản có ích đi kèm với quy mô và công nghệ phù hợp.

d) Công tác cơ điện

- Xây dựng các mỏ của Công ty phấn đấu nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa. Trong công tác mỏ, đầu tư thiết bị xúc bốc có năng suất cao đáp ứng nhu cầu khai thác. Đối với công nghệ tuyển khoáng hoàn thiện công nghệ và duy trì ổn định các thiết bị tuyển Cell, từng bước nghiên cứu áp dụng các giải pháp tự động hóa (TĐH) trong các công đoạn sản xuất của công nghệ tuyển khoáng. Đầu tư hệ thống lọc ép tinh quặng chì cho các xưởng tuyển...;

- Nghiên cứu các giải pháp để cơ giới hóa một số khâu bốc xúc vận tải, hoàn thiện hệ thống trộn bột đóng bao và hồi liệu lò quay thay thế thủ công; cơ giới hóa dây chuyền đúc, gia công tấm cực; cơ giới hóa công tác thu gom, xử lý bùn điện phân sử dụng bơm hút chân không và thùng khuấy để thu gom bùn điện phân trong quá trình thau, rửa bể thay thế cho xúc thủ công và vận chuyển bằng máy xúc lật như hiện nay;

- Nghiên cứu giải pháp cơ giới hóa khâu bóc kẽm lá tại khu vực điện phân thay thế bóc bằng thủ công như hiện nay; cơ giới hóa khâu cấp liệu nồi hơi tầng sôi 8 tấn/h; lắp đặt bun ke chứa, đầu tư máy xúc lật cỡ nhỏ phục vụ xúc, vận chuyển cấp liệu cho nồi hơi;

- Tăng cường áp dụng THH- TĐH vào sản xuất và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, cụ thể nghiên cứu và triển khai xây dựng các phần mềm quản lý bao gồm phần mềm trong công tác quản lý kỹ thuật mỏ, tuyển khoáng, cơ điện, XDCB, phần mềm quản lý nhân sự, quản trị chi phí...;

- Kéo dài chu kỳ SCL đối với NM kẽm từ 6 tháng lên 9 tháng, xưởng tuyển từ 9 tháng lên 12 tháng, nâng cao chất lượng và tiến độ công tác SCL;

- Đẩy mạnh công tác phục hồi, gia công chế tạo;

4.5. Công tác đầu tư

- Hàng năm xây dựng kế hoạch đầu tư xây dựng phù hợp với điều kiện tình hình sản xuất, nguồn lực tài chính và chiến lược phát triển trung hạn, dài hạn của Công ty;

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư khai thác mỏ Tây Nam Núi Pháo, phấn đấu khởi công xây dựng trong quí 3/2018; Dự án khai thác mỏ kẽm chì Cúc Đường giai đoạn 2; Điều chỉnh dự án cải tạo nâng cao chất lượng NM kẽm,

thuyết phục các cổ đông đồng thuận trong việc triển khai thực hiện; Làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án khai thác mở rộng và nâng công suất mỏ kẽm chì Chợ Điền và dự án khai thác mở rộng và nâng công suất mỏ kẽm chì Làng Hích;

- Lập kế hoạch Đầu tư dự án luyện chì công suất 5.000 tấn/năm, kết hợp với công trình xử lý khí lò quay để xử lý chất thải nguy hại tại NM kẽm trong giai đoạn 2019-2020;

- Thực hiện giải thể phân xưởng luyện kim màu I, chuyển nhượng tài sản trên đất và trả đất cho địa phương quản lý;

- Tiến hành rà soát tất cả các diện tích đất công ty quản lý, để sử dụng, huy động, sản xuất đạt hiệu quả cao nhất hoặc trả nhà nước các diện tích đất không có nhu cầu xử dụng, không có lợi thế;

- Nghiên cứu, lập kế hoạch triển khai các dự án chế biến sâu các sản phẩm từ kẽm thỏi và axits sunfuaric.

4.6. Công tác quản trị chi phí

- Tăng cường kiểm soát thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, chỉ tiêu công nghệ và chi phí sản xuất, mục tiêu kiểm soát giá thành sản xuất không tăng so với giá thành kế hoạch của Công ty;

- Nâng cao chất lượng công tác quản trị chi phí, phấn đấu giảm giá thành sản xuất một số sản phẩm chính (kẽm thỏi, tinh quặng kẽm, khai thác quặng sunfua ...);

- Xây dựng và ban hành bộ định mức kinh tế kỹ thuật đối với từng công đoạn áp dụng đối với những sản phẩm của Công ty để chủ động trong việc lập kế hoạch điều hành SXKD hàng kỳ;

- Đẩy mạnh và phát huy phong trào tiết kiệm, phát huy các sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4.7. Công tác quản lý tài chính

*a) Mô hình hạch toán:*Giữ nguyên việc hạch toán phân tán như hiện nay, các chi nhánh hạch toán phụ thuộc. Tăng cường công tác ứng dụng CNTT trong công tác kế toán và lập báo cáo quyết toán tài chính, bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất.

b) Công tác tài chính:

- Đảm bảo hệ số tài chính: Hệ số nợ phải trả/vốn CSH < 2 lần; Hệ số thanh toán hiện hành > 0,5 lần;

- Thực hiện mô hình quản lý tài chính tập trung, qua đó tập trung dòng tiền và giảm chi phí thu xếp vốn. Phân cấp quản lý, mua sắm cho Giám đốc chi nhánh trong định mức nhất định để nâng cao tính chủ động của chi nhánh trong xử lý các công việc.

- Không để phát sinh các khoản nợ khó đòi, nợ quá hạn,

- Quản lý chặt trẽ dòng tiền, thông qua việc thực hiện công tác dự báo nguồn vốn và lưu chuyển tiền tệ, nhằm xác định và cân đối nhu cầu thực tế về vốn và dòng tiền trong hoạt động SXKD hàng ngày, giản chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

4.8. Công tác quản lý vật tư

Hoàn thiện công tác quản lý vật tư từ khâu mua sắm, quản lý kho hàng, cấp phát, tiếp liệu và phục hồi tái chế, cụ thể:

- Nâng cao chất lượng vật tư,tập trung quản lý công tác tiêu thụ sản phẩm, xây dựng chính sách bán hàng cho phù hợp.

- Tổ chức đấu thầu, mua sắm, dự trữ vật tư tập trung đảm bảo hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo tỷ lệ tồn kho theo quy định.

- Sắp xếp tổ chức quản lý hệ thống kho tàng phục vụ sản xuất theo hướng gọn nhẹ, phân loại kho tàng theo chủng loại và niên hạn.

4.9. Công tác quản lý và phát triển nguồn nhân lực

- Mục tiêu đưa tỷ lệ lao động quản lý toàn công ty về tỷ lệ 12%, phục vụ phụ trợ về tỷ lệ 22%, tăng tỷ lệ lao động công nghệ lên 66%, cụ thể: Năm 2018 thực hiện đưa lao động quản lý của toàn Công ty xuống dưới 14%, năm 2019 dưới 13%, năm 2020 tỷ trọng lao động quản lý còn không quá 12%. Lao động phục vụ, phụ trợ giảm đến mức 22% và lao động công nghệ đạt 66% trên tổng số lao động;

- Chủ động sắp xếp đổi mới cơ cấu, chất lượng lao động và xử lý lao động dôi dư đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Tuyển dụng lao động được đào tạo bài bản, công nhân kỹ thuật có tay nghề tốt, thực hiện luân chuyển đào tạo cán bộ để có nguồn nhân lực chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụvà phải gắn với kế hoạch SXKD;

- Tăng số lượng, chất lượng kỹ sư, cử nhân, CNKT và lao động trẻ khỏe, lao động lành nghề. Cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và lao động kỹ thuật phải đảm bảo hợp lý với cơ cấu ngành nghề đáp ứng yêu cầu cho sản xuất và phát triển lâu dài;

- Các đối tượng lao động được đánh giá, sắp xếp sử dụng một cách hợp lý và trả lương theo vị trí, hiệu quả công việc và những vị trí quyết định năng suất và chất lượng sản xuất;

- Xem xét triển khai xã hội hóa, thuê ngoài cung ứng một số dịch như: nấu ăn, bảo vệ, VSCN;

- Xây dựng cơ chế trả lương khuyến khích người lao động phát huy tối đa năng suất lao động và thời gian sử dụng lao động. Có cơ chế chính sách đãi ngộ thỏa đáng để giữ chân đội ngũ công nhân có trình độ tay nghề cao yên tâm phục vụ lâu dài tại Công ty.

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TÁI CƠ CẤU GIAI ĐOẠN 2018 - 2020

1. Về mô hình tổ chức

Dự kiến sau khi hoàn thành tái cơ cấu, mô hình tổ chức của Công ty như sau:

- Cơ quan Công ty gồm có Ban Giám đốc (Giám đốc và 03 Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và 09 phòng chức năng;

- Các chi nhánh gồm có:

+ Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - TMC (tên viết tắt: BMC);

+ Chi nhánh kẽm chì Làng Hích -TMC;

+ Chi nhánh kẽm phân Thái Nguyên - TMC;

+ Chi nhánh Thiếc Đại Từ - TMC;

+ Phân xưởng Luyện bột kẽm;

Như vậy sau khi tái cơ cấu, mô hình tổ chức của Công ty đã đảm bảo nguyên tắc hệ thống, đồng bộ từ Công ty đến các đơn vị; Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành; Tinh giản được bộ máy quản lý khâu trung gian, tăng lực lượng của đội ngũ lao động công nghệ.

2. Về quản trị doanh nghiệp

- Hoàn thiện được công tác quản lý nội bộ của Công ty, cơ chế khoán quản trị chi phí, tạo điều kiện thuận lợi để chủ động, tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh...qua đó đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Năm 2020 tỷ trọng lao động quản lý còn không quá 12%, lao động phục vụ, phụ trợ giảm đến mức 22% và lao động công nghệ đạt 66% trên tổng số lao động.

- Công ty phát triển bền vững, đổi mới công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hóa cao; cơ cấu tổ chức, lao động gọn nhẹ, hợp lý, nâng cao năng suất lao động và chỉ tiêu công nghệ, chất lượng sản phẩm đảm bảo lợi ích của người lao động và các cổ đông. Nâng cao năng suất lao động, tăng mức thu nhập của người lao động, có cơ chế, chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút, giữ chân người lao động có trình độ tay nghề cao.

- Chủ động trong công tác tài chính, đảm bảo thu hồi toàn bộ công nợ nội bộ, thu xếp đủ vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất cũng như đầu tư Công ty, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính yêu cầu như hệ số nợ, khả năng thanh toán ngắn hạn, thanh toán nhanh…

- Đẩy nhanh các dự án trọng điểm của Công ty để đạt những mục tiêu đã đề ra;

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất triển khai các dự án chế biến sâu các sản phẩm từ kẽm thỏi và axit sunfuaric, như bột oxits kẽm 99,99%, phân bón nông nghiệp ...

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức triển khai thực hiện Đề án

- Báo cáo Hội đồng quản trị Công ty thông qua Đề án tái cơ cấu công ty để trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt (dự kiến tháng 7 năm 2018).

- Đề án được ĐHĐCĐ công ty phê duyệt, thành lập Ban chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện đề án.

- Ban điều hành Công ty có trách nhiệm trong việc tổ chức triển khai thực hiện theo nội dung và lộ trình đã được phê duyệt.

2. Đối với cơ cấu tổ chức quản lý, cơ chế quản lý

Triển khai sắp xếp lại bộ máy quản lý điều hành Công ty cho phù hợp cũng như hoàn thiện, đổi mới cơ chế quản lý nội bộ Công ty cho phù hợp với mô hình tăng trưởng, cơ cấu, định hướng phát triển kinh doanh và cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh sau tái cơ cấu.

3. Đối với hệ thống chính trị trong Công ty

Hoàn thiện và đổi mới tổ chức hệ thống chính trị trong Công ty cho phù hợp với cơ cấu mới của Công ty khi được ĐHĐCĐ phê duyệt.

4. Đối với công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Tăng cường phát triển nguồn nhân lực, bao gồm đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ và đội ngũ công nhân kỹ thuật theo hế hoạch đào tạo, tuyển dụng từng năm và giai đoạn 2018-2020 có tính đến 2025.

VII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị HĐQT trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua phương án tái cơ cấu công ty giai đoạn 2018-2020 để công ty tổ chức triển khai thực hiện đúng lộ trình.

2. Đề nghị HĐQT kịp thời chỉ đạo Công ty trong công tác thu xếp vốn đầu tư, phát triển tài nguyên, đầu tư các dự án trọng điểm của Công ty trong những năm tới…

3. Đề nghị tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan quản lý Nhà nước có chính sách, quy định pháp luật phù hợp về tiền sử dụng tài liệu địa chất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng và ngành khoáng sản nói chung góp phần thực hiện tốt Chiến lược khoáng sản và Quy hoạch phát triển các loại khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS Công ty (B/c);
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: Thư ký, TCLĐ, VP.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4600100003-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN VIMICO
TP. THÁI NGUYÊN T. THÁI NGUYÊN

Bùi Tiến Hải

SẢN LƯỢNG KHOÁNG SẢN SẢN XUẤT CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN NĂM 2018 - 2020

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Kim Loại màu Thái Nguyên

Biểu 01

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018 - 2020		
			2018	2019	2020
I	**Chỉ tiêu kinh tế**				
1	Doanh thu	trđ	**832.912**	**867.375**	**1.304.125**
2	Lợi nhuận	trđ	**156.065**	**163.668**	**178.110**
II	**Sản phẩm chính**				
1	Kẽm thỏi	Tấn	11.000	11.500	15.000
2	Axit H_2SO_4	Tấn	13.946	14.200	15.000
3	Tinh quặng chì 50%	Tấn	3.366	3.468	
4	Tinh quặng chì 20%Pb oxit	Tấn	5.815	4.000	4.000
5	TQ, Thiếc 25%	Tấn		288	
6	Tinh quặng đồng 22%	Tấn		388	679
7	Thiếc thỏi 99,975%	Tấn			100
8	Chì thỏi 99,75%	Tấn			5.000
III	**Nguyên liệu, bán thành phẩm**				
III.1	**Tổng quặng khai thác**	tấn	**188.000**	**212.000**	**230.000**
1	**Quặng sulfur kẽm chì**	tấn	**133.000**	**142.000**	**145.000**
	+ Hàm lượng %Zn	%	*6,75*	*6,13*	*5,85*
	+Hàm lượng %Pb	%	*1,59*	*1,50*	*1,71*
	BKC				
	Quặng sulfur kẽm chì	tấn	104.000	100.000	100.000
	+ Hàm lượng %Zn	%	*7,57*	*7,20*	*7,00*
	+Hàm lượng %Pb	%	*0,88*	*0,70*	*1,00*
	LANG HÍCH				
	Quặng sulfur kẽm chì	tấn	26.000	30.000	30.000
	+ Hàm lượng %Zn	%	*3,92*	*3,90*	*3,50*
	+Hàm lượng %Pb	%	*4,38*	*4,00*	*4,00*
	CÚC ĐƯỜNG				
	Quặng sulfur kẽm chì	tấn	3.000	12.000	15.000
	+ Hàm lượng %Zn	%	*2,84*	*2,84*	*2,84*
	+Hàm lượng %Pb	%	*1,90*	*1,90*	*1,90*
	CỘNG LANG HÍCH + CÚC ĐƯỜNG				
	Quặng sulfur kẽm chì		29.000	42.000	45.000
	+ Hàm lượng %Zn		*3,81*	*3,60*	*3,28*
	+Hàm lượng %Pb		*4,13*	*3,40*	*3,30*
2	**Quặng kẽm ô xít 16%**	tấn	**15.000**	**15.000**	**15.000**
3	**Quặng chì ô xít**	tấn	**40.000**	**35.000**	**35.000**
	Hàm lượng Pb	%	*5,54*	*4,6*	*4,6*
4	**Quặng thiếc**	tấn		**20.000**	**35.000**
	Hàm lượng Sn	%		*0,45*	*0,45*
	Hàm lượng Cu	%		*0,61*	*0,61*

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018 - 2020		
			2018	2019	2020
III.2	**Tinh quặng**				
5	**Tinh quặng kẽm**	**tấn**	**15.303**	**15.347**	**15.354**
	BKC	tấn	*12.537*	*12.738*	*12.385*
	LANG HÍCH	tấn	*2.766*	*1.913*	*1.716*
	CÚC ĐƯỜNG	tấn		*696*	*1.253*
6	**Tinh quặng chì 50%**	**tấn**	**3.762**	**3.468**	**11.092**
	BKC	tấn	*1.418*	*1.092*	*1.560*
	LANG HÍCH	tấn	*1.948*	*1.920*	*1.920*
	CÚC ĐƯỜNG	tấn	*395*	*456*	*821*
	Mua ngoài				*6.790*
7	**Tinh quặng chì 20%**	**tấn**	**5.815**	**4.000**	**4.000**
	CÚC ĐƯỜNG	**tấn**	*5.815*	*4.000*	*4.000*
8	**Tinh quặng Sn 25%**	**tấn**		**288**	**504**
	Mỏ Tây Núi Pháo	**tấn**		288	504
9	**Tinh quặng Cu 22%**	**tấn**		**388**	**679**
	Mỏ Tây Núi Pháo	**tấn**		388	679
10	**Thiếc 99,975%**	**tấn**			**100**
11	**Chì thỏi 99,75%**	**tấn**			**5.000**
III.3	**Luyện kim**				
1	**Bột kẽm 60%**	**tấn**	**3.800**	**4.000**	**4.000**
2	**Bột kẽm kim loại mua ngoài**	**tấn**	528	552	720
3	**Kẽm thỏi**	**tấn**	**11.000**	**11.500**	**15.000**
	Sản xuất từ quặng SF	*tấn*	*8.580*	*8.740*	*11.400*
	Sản xuất từ bột kẽm 60%	*tấn*	*1.980*	*2.300*	*3.000*
	Sản xuất từ bột kẽm kim loại	tấn	440	460	600
*	**Cân đối nguyên liệu**				
	Tổng Quặng SF	**tấn**	**18.930**	**19.283**	**25.152**
	Quặng Cty sản xuất	tấn	15.303	15.347	15.354
	Quặng mua ngoài	tấn	3.628	3.936	9.798
4	**Thiếc thỏi**	**tấn**			
5	**Axít sản xuất**	*tấn*	13.946	14.200	15.000
	Trong đó: SD vào sản xuất	*tấn*	*3.135*	*3.278*	*4.275*
	Xuất bán	*tấn*	*10.811*	*10.923*	*10.725*

- - -

DỰ KIẾN MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2018 - 2020

(Ban hành kèm theo Đề án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2018-2020)

TT	Chỉ tiêu cơ bản	Thực hiện 2017	Dự kiến		
			Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Tài sản ngắn hạn	193.954	196.483	195.395	182.343
2	Tài sản dài hạn	298.179	314.994	390.746	454.562
II	**NGUỒN VỐN**	492.134	511.477	586.141	636.905
1	Nợ ngắn hạn	166.500	174.825	183.566	192.745
-	*Tr.đó vay ngắn hạn*	*7.000*	*0*	*15000*	*15000*
2	Nợ dài hạn	-	31.800	91.640	121.672
-	*Tr.đó vay dài hạn*	-	*31.800*	*91.640*	*121.672*
3	Vốn CSH	325.634	304.852	310.934	322.488
	Trong đó vốn góp của CS	180.000	180.000	180.000	180.000
III	Doanh thu	800.406	832.912	867.375	1.304.125
IV	Chi phí QLDN	45.487	42.634	44.397,75	66.753,39
V	Chi phí tài chính	2.138	2779,581	8.763,58	11.766,78
VI	Lợi nhuận trước thuế	206.787	156.065	163.668	178.110
VII	Lợi nhuận sau thuế	165.209	124.852	130.934	142.488
VIII	**CÁC HỆ SỐ**				
1	Tỷ suất lợi nhuận/VCSH	0,92	0,69	0,73	0,79
2	Hệ số nợ/Vốn CSH	0,51	0,68	0,89	0,97
3	Khả năng TT ngắn hạn	1,16	1,12	1,06	0,95

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN - VIMICO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG 2018 - 2020

Đơn vị: Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên công trình	DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐTXD GIAI ĐOẠN 2018 - 2020																					TỔNG CỘNG
		NĂM 2018							NĂM 2019							NĂM 2020							
		TỔNG SỐ	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn			TỔNG SỐ	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn			TỔNG SỐ	Cơ cấu vốn đầu tư			Nguồn vốn			
			Xây lắp	Thiết bị	Quản lý, tư vấn, GPMB, khác....	Vay: Tín dụng nhà nước	Vay: Thương mại	Khấu hao TSCĐ		Xây lắp	Thiết bị	Quản lý, tư vấn, GPMB, khác....	Vay: Tín dụng nhà nước	Vay: Thương mại	Khấu hao TSCĐ		Xây lắp	Thiết bị	Quản lý, tư vấn, GPMB, khác....	Vay: Tín dụng nhà nước	Vay: Thương mại	Khấu hao TSCĐ	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	*3*	*4*	*5*	*6*	*8*	*9*	*10*	
	TỔNG CỘNG:	**90.240**	**32.220**	**36.020**	**22.000**	**-**	**49.168**	**41.072**	**224.000**	**84.000**	**122.500**	**17.500**	**-**	**105.550**	**104.450**	**120.070**	**39.500**	**80.500**	**70**	**-**	**48.200**	**71.870**	**434.310**
I	**DỰ ÁN NHÓM A**	-							-							-							-
II	**DỰ ÁN NHÓM B**	-	-	-	-	-	-	-	50.000	8.000	40.000	2.000	-	35.000	15.000	-	-	-	-	-	-	-	50.000
1	Dự án cải tạo nâng cao chất lượng Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên								50.000	8.000	40.000	2.000		35.000	15.000	-					-	-	
III	**DỰ ÁN NHÓM C**	**90.240**	**32.220**	**36.020**	**22.000**	**-**	**49.168**	**41.072**	**174.000**	**76.000**	**82.500**	**15.500**	**-**	**70.550**	**89.450**	**120.070**	**39.500**	**80.500**	**70**	**-**	**48.200**	**71.870**	**384.310**
1	Dự án đầu tư khai tuyển thiếc gốc Tây Nam núi Pháo	70.240	27.500	23.240	19.500		49.168	21.072	30.000	11.500	3.000	15.500		16.650	13.350	5.070	3.000	2.000	70		2.000	3.070	105.310
2	Dự án đầu tư khai tuyển mỏ kẽm chì Cúc Đường	2.650	2.650					2.650	-	-	-			-	-	-	-	-			-	-	2.650
3	Dự án Luyện chì kim loại 5000 tấn/năm và hệ thống xử lý khí	2.000			2.000			2.000	77.000	30.000	47.000			53.900	23.100	66.000	16.000	50.000			46.200	19.800	145.000
4	Hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải và nước thải Nhà máy kẽm điện phân TN	1.500		1.500				1.500	-						-	-						-	1.500
5	Đầu tư duy trì sản xuất tại Nhà máy kẽm điện phân	900	100	800				900	28.000	13.000	15.000				28.000	14.000	6.000	8.000				14.000	42.900
6	Đầu tư duy trì sản xuất tại XN Kẽm Chì Làng Hích	4.570	190	4.380				4.570	4.000	1.000	3.000				4.000	4.000	1.000	3.000				4.000	12.570
7	Dự án khai thác mỏ rộng công suất mỏ Làng Hích								10.000	6.000	4.000				10.000	10.000	4.000	6.000				10.000	20.000
8	Đầu tư duy trì sản xuất tại Công ty Kim loại màu Bắc Kạn	3.930	830	3.100				3.930	6.000	2.000	4.000				6.000	6.000	2.000	4.000				6.000	15.930
9	Dự án khai thác mở rộng công suất Chợ Điền								14.000	10.000	4.000					10.000	5.000	5.000				10.000	24.000
10	Đầu tư duy trì hoạt động tại cơ quan và các phân xưởng trực thuộc	4.450	950	3.000	500			4.450	5.000	2.500	2.500				5.000	5.000	2.500	2.500				5.000	14.450